

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *28* /2021/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi
và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách
trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của
Quốc hội Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định
số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi
tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác
của xã, phường, thị trấn;*

*Xét Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia
các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo
thẩm tra số 22/BC-KTNS ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu,
nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân
sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khoá XVIII, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2021, được áp dụng từ năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 và thay thế các Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Nghị quyết số 115/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016; Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017 - 2020 sang năm 2021.

2. Quy định chuyển tiếp: Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh đang thực hiện theo các Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016; Nghị quyết số 115/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND - UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá XVIII;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- HĐND - UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Thào Hồng Sơn

QUY ĐỊNH

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm
phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn
tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022-2025**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28 /2021/NQ-HĐND
ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành; các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước.
3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn
5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Chương II
NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**

Điều 3. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh
 - a) Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu).
 - b) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan trung ương cấp phép.
2. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (bao gồm khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế).

a) Thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nộp thuế do Cục Thuế quản lý.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp từ các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các doanh nghiệp nhà nước địa phương và các tổ chức sản xuất kinh doanh khác do Cục Thuế quản lý (trừ doanh nghiệp do Cục thuế quản lý có chi nhánh tại các huyện, thành phố hạch toán độc lập).

c) Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp trung ương trên địa bàn và các tổ chức sản xuất kinh doanh khác (trừ sản xuất kinh doanh thủy điện và hoạt động xổ số kiến thiết) do Cục Thuế quản lý.

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với tổ chức, cá nhân nộp thuế do Cục Thuế quản lý (trừ thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu và hoạt động xổ số kiến thiết).

đ) Thu tiền sử dụng đất trên địa bàn khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên; cửa khẩu Xín Mần, huyện Xín Mần và cửa khẩu quốc gia khác (để đầu tư trở lại khu vực cửa khẩu); thu tiền sử dụng đất từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với tài sản nhà nước trên đất trên địa bàn huyện, thành phố.

e) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước do tỉnh cấp phép.

f) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, khí thải, chất thải rắn; Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.

g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện (trừ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện, thành phố), trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí (trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí) theo quy định của pháp luật. Số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

h) Lệ phí môn bài đối với tổ chức do Cục Thuế quản lý; Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh tổ chức thu.

i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định xử phạt, tịch thu.

k) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước của tổ chức do Cục Thuế quản lý.

l) Các khoản thu hồi vốn ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có góp vốn của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các Quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu.

m) Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước của cấp tỉnh quản lý.

n) Thu từ bán tài sản nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý.

o) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh quản lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

ô) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

p) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

q) Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho cấp tỉnh.

s) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương

t) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh

u) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách cấp tỉnh.

v) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.

x) Các khoản thu khác của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật (gồm thu ngân sách cấp dưới nộp, thu từ hỗ trợ của địa phương khác).

3. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện

a) Thu tiền sử dụng đất trên địa bàn còn lại (trừ khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên; cửa khẩu Xín Mần, huyện Xín Mần và cửa khẩu quốc gia khác) đối với các nội dung:

- Thu tiền sử dụng đất từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với tài sản nhà nước trên đất trên địa bàn thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thu tiền sử dụng đất của tổ chức kinh tế được giao đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê; tổ chức kinh tế được giao đất để thực hiện dự án đầu tư hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng; tiền sử dụng đất của tổ chức được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (dự án đô thị) trên địa bàn thành phố Hà Giang.

b) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán trên địa bàn thành phố Hà Giang.

c) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 4. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án do cấp tỉnh quyết định đầu tư theo phân cấp quản lý đầu tư xây dựng cơ bản thuộc các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của tỉnh theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Đối ứng vốn đầu tư thực hiện các dự án ODA, NGO (nếu có).

d) Chi đầu tư phát triển trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình, mục tiêu do cấp tỉnh thực hiện theo phân cấp quản lý vốn đầu tư.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch theo Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng.

e) Chi bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo mặt bằng sạch để thu hút dự án đầu tư ngoài ngân sách.

g) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề bao gồm:

- Giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác do cấp tỉnh thực hiện.

- Đào tạo cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp và các hình thức đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức, dự bị động viên, dân quân tự vệ và các đối tượng khác do cấp tỉnh thực hiện.

- Đào tạo ngoài nước.

b) Khoa học công nghệ bao gồm: các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do cấp tỉnh thực hiện theo phân cấp quản lý thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do Chính phủ quy định và khả năng cân đối ngân sách.

d) Sự nghiệp y tế bao gồm:

- Hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh do cấp tỉnh thực hiện.

- Kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

- Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động y tế khác do cấp tỉnh quản lý.

đ) Sự nghiệp văn hóa - thông tin, bao gồm: bảo tồn, bảo tàng, phim, ảnh, thư viện, lưu trữ, trùng tu di tích lịch sử; các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật, biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim; hoạt động thông tin, truyền thông, xuất bản, báo chí và các hoạt động văn hóa, thông tin khác do cấp tỉnh thực hiện.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình bao gồm: phát thanh, truyền hình; thuê bao kênh vệ tinh và hoạt động phát thanh, truyền hình khác do cấp tỉnh thực hiện.

g) Sự nghiệp thể dục - thể thao bao gồm: bồi dưỡng huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh và tham gia các giải thi đấu cấp khu vực, quốc gia; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác do cấp tỉnh thực hiện.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường bao gồm: Điều tra, quan trắc và phân tích môi trường, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường; khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; ứng phó với biến đổi khí hậu; xử lý chất thải; bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường và các hoạt động bảo vệ môi trường khác do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện.

i) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông, vận tải: bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý và hoạt động giao thông khác, hỗ trợ vận tải do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện.

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn: bao gồm các hoạt động bảo vệ, phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, khuyến nông, xây dựng nông thôn mới, định canh định cư thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện.

- Sự nghiệp tài nguyên, địa chính bao gồm: hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động quản lý tài nguyên khác do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện theo phân cấp quản lý tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Dành tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất ngân sách cấp tỉnh được hưởng theo phân cấp để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo quy định hiện hành của trung ương.

- Các nhiệm vụ theo quy định của Luật Quy hoạch do cấp tỉnh thực hiện.

- Công nghệ thông tin; hoạt động khuyến công, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch do đơn vị cấp tỉnh thực hiện.

- Đối ứng kinh phí sự nghiệp thực hiện các dự án ODA, các dự án phi chính phủ nước ngoài.

- Các hoạt động kinh tế khác, bao gồm cả tìm kiếm cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động do cấp tỉnh thực hiện và các chế độ, chính sách thuộc sự nghiệp kinh tế do HĐND tỉnh ban hành.

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; hỗ trợ chỉ hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh giao; thực hiện cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử; công tác đối ngoại; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và các nhiệm vụ khác thuộc cơ quan quản lý hành chính cấp tỉnh thực hiện.

l) Chi đảm bảo xã hội, bao gồm: các cơ sở trợ giúp xã hội, trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng, trợ cấp đột xuất trong trường hợp vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện; phòng chống các tệ nạn xã hội; mừng thọ, chúc thọ người cao tuổi và các chính sách an sinh xã hội khác cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người có uy tín, người nghèo...; thăm hỏi, tặng quà các đối tượng người có công, chính sách xã hội do cấp tỉnh thực hiện; các hoạt động bảo vệ và chăm sóc trẻ em và các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội.

m) Trích lập Quỹ thi đua khen thưởng cấp tỉnh.

n) Các khoản chi thường xuyên khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh cho vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

7. Chi ủy thác cho các Quỹ của tỉnh.

8. Trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật.

9. Chi sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình, mục tiêu do các đơn vị dự toán cấp tỉnh thực hiện.

10. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên.

11. Các khoản chi khác của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm a, b, c, Khoản 9, Điều 9 - Luật Ngân sách nhà nước.

Chương III

NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện

1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp tỉnh: Thực hiện theo Khoản 3, Điều 3 của Quy định này.

2. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100% (bao gồm khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế).

a) Thuế thu nhập cá nhân từ cá nhân nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý (trừ cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh tại xã, phường, thị trấn).

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp từ các doanh nghiệp nhà nước địa phương và các tổ chức sản xuất kinh doanh khác do Chi cục Thuế quản lý (bao gồm doanh nghiệp do Cục thuế quản lý có chi nhánh đóng tại các huyện, thành phố hạch toán độc lập).

c) Thu tiền sử dụng đất (trừ số thu tiền sử dụng đất tại điểm đ, Khoản 2 và điểm a, Khoản 3, Điều 3 của Quy định này).

d) Thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ sản phẩm rừng tự nhiên và thuế tài nguyên khoáng sản khác thu từ cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã, phường, thị trấn).

đ) Thuế giá trị gia tăng từ tổ chức sản xuất kinh doanh thủy điện; hoạt động xổ số kiến thiết; tổ chức sản xuất kinh doanh khác do Chi cục Thuế quản lý.

e) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ tổ chức do Chi cục Thuế quản lý; từ hoạt động xổ số kiến thiết trên địa bàn các huyện.

f) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức cấp huyện thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí (trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí) theo quy định của pháp luật. Số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

h) Lệ phí trước bạ các loại tài sản khác (trừ nhà, đất); lệ phí môn bài của tổ chức sản xuất kinh doanh do Chi cục Thuế quản lý; Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện tổ chức thu.

i) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế quản lý.

k) Thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý, sử dụng đất đai, thu khác từ quỹ đất (trừ thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác).

l) Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước của chính quyền cấp huyện.

m) Thu từ bán tài sản nhà nước thuộc cấp huyện quản lý.

n) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định xử phạt, tịch thu.

o) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện quản lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

ô) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện.

p) Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho cấp huyện.

q) Thu kết dư ngân sách cấp huyện.

s) Thu chuyển nguồn từ năm trước của ngân sách cấp huyện.

t) Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh.

r) Các khoản thu khác của cấp huyện theo quy định của pháp luật (gồm thu ngân sách cấp dưới nộp, thu từ hỗ trợ của địa phương khác).

3. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách huyện, thành phố với ngân sách phường, thị trấn.

a) Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh do Chi cục Thuế quản lý có địa điểm kinh doanh trên địa bàn phường, thị trấn.

b) Thuế giá trị gia tăng từ cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn phường.

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách huyện, thành phố

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án thuộc cấp huyện quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2, Điều này theo phân cấp, trong đó có nhiệm vụ chi: Đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp; điện chiếu sáng; cấp thoát nước; giao thông đô thị; vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.

b) Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ do tỉnh phân cấp cho các huyện, thành phố thực hiện.

c) Đối ứng vốn đầu tư thực hiện các dự án ODA, NGO (nếu có).

d) Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch theo Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng.

đ) Chi bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo mặt bằng sạch để thu hút dự án đầu tư ngoài ngân sách.

e) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề bao gồm:

- Giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và các hoạt động giáo dục khác do cấp huyện thực hiện.

- Giáo dục nghề nghiệp và các hình thức đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức, dân quân tự vệ và các đối tượng khác do cấp huyện thực hiện.

b) Khoa học và công nghệ bao gồm: các hoạt động ứng dụng khoa học công nghệ và các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác do cấp huyện thực hiện (không bao gồm nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ).

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do cấp huyện thực hiện theo phân cấp quản lý thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh của địa phương và khả năng cân đối ngân sách.

d) Sự nghiệp y tế bao gồm:

- Hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh do cấp huyện thực hiện.

- Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động y tế khác do cấp huyện quản lý.

đ) Sự nghiệp văn hóa, thông tin bao gồm: bảo tồn, bảo tàng, thư viện, lưu trữ, trùng tu di tích lịch sử; các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật, biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim và các hoạt động văn hóa, thông tin khác do cấp huyện thực hiện.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình: hoạt động phát thanh, truyền hình và hoạt động khác do cấp huyện thực hiện.

g) Sự nghiệp thể dục, thể thao: các hoạt động thể dục, thể thao do cấp huyện thực hiện.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường bao gồm: Điều tra, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường; khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường; hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo Nghị định của Chính phủ; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; xử lý chất thải; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường và các hoạt động bảo vệ môi trường khác do cấp huyện thực hiện theo phân cấp quản lý.

Đối với nhiệm vụ chi hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo Nghị định của Chính phủ (bao gồm: khoáng sản kim loại và khoáng sản không kim loại); căn cứ nguồn thu được tính phân cấp (100% số thu từ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản), các huyện, thành phố có trách nhiệm phân bổ, sử dụng nguồn kinh phí đúng quy định và phân bổ một phần số thu về ngân sách cấp xã (nơi phát sinh nguồn thu) để cấp xã chủ động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường do khai thác khoáng sản trên địa bàn.

i) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông, vận tải: bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp huyện quản lý và hoạt động giao thông, hỗ trợ vận tải khác do cấp huyện thực hiện.

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn: bao gồm các hoạt động bảo vệ, phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, khuyến nông, xây dựng nông thôn mới, định canh định cư thuộc cấp huyện thực hiện.

- Sự nghiệp tài nguyên, gồm: hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động quản lý tài nguyên khác do cấp huyện thực hiện theo phân cấp quản lý tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Dành tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất ngân sách cấp huyện được hưởng theo phân cấp để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo quy định hiện hành của trung ương.

- Các nhiệm vụ theo quy định của Luật Quy hoạch do cấp huyện thực hiện.

- Sự nghiệp kiến thiết thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp nước, thoát nước, công viên và các hoạt động kiến thiết thị chính khác.

- Công nghệ thông tin; hoạt động khuyến công, xúc tiến đầu tư, thương mại du lịch do cấp huyện thực hiện.

- Đối ứng kinh phí sự nghiệp thực hiện các dự án ODA, các dự án phi chính phủ nước ngoài (nếu có).

- Các hoạt động kinh tế khác, bao gồm cả tìm kiếm cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động do cấp huyện thực hiện và các chế độ, chính sách thuộc sự nghiệp kinh tế do HĐND tỉnh ban hành.

k) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; hỗ trợ chi hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp huyện để thực hiện các nhiệm vụ do UBND cấp huyện giao; thực hiện cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử do cấp huyện thực hiện; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và các nhiệm vụ khác thuộc cơ quan quản lý hành chính thực hiện.

l) Chi đảm bảo xã hội, bao gồm: các cơ sở trợ giúp xã hội, trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng, trợ giúp xã hội khẩn cấp; phòng chống các tệ nạn xã hội; mừng thọ, chúc thọ người cao tuổi và các chính sách an sinh xã hội khác cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người có uy tín, người nghèo; thăm hỏi, tặng quà các đối tượng người có công, chính sách xã hội do cấp huyện thực hiện; các hoạt động bảo vệ và chăm sóc trẻ em và các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội.

m) Trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của cấp huyện.

n) Các khoản chi thường xuyên khác do cấp huyện thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

4. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

5. Chi sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ do cấp huyện thực hiện.

6. Chi ủy thác của cấp huyện.

7. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên.

8. Các khoản chi khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật, bao gồm chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại tiết a, b, c, khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước.

Chương IV

NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 7. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách xã, thị trấn hưởng 100%

a) Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh do Chi cục Thuế quản lý có địa điểm kinh doanh trên địa bàn xã.

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

d) Thuế tài nguyên thu từ sản phẩm rừng tự nhiên và tài nguyên khoáng sản khác thu từ cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã, thị trấn.

đ) Thuế giá trị gia tăng từ cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã, thị trấn.

e) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ cá nhân nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý.

f) Lệ phí trước bạ nhà, đất trên địa bàn xã, thị trấn

g) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã, thị trấn do Chi cục Thuế quản lý.

h) Lệ phí do xã, thị trấn thực hiện thu (trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài).

i) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do xã, thị trấn thực hiện.

k) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do chính quyền xã, thị trấn quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

l) Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước của xã, thị trấn.

m) Thu từ bán tài sản nhà nước thuộc xã, thị trấn quản lý.

n) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do xã, thị trấn quản lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

o) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

ô) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho xã, thị trấn.

p) Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho xã, thị trấn.

q) Thu kết dư ngân sách xã, thị trấn

s) Thu chuyển nguồn từ năm trước của ngân sách xã, thị trấn.

t) Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện.

r) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu ngân sách phường hưởng 100%

a) Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

b) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

c) Thuế tài nguyên thu từ sản phẩm rừng tự nhiên và tài nguyên khoáng sản khác thu từ cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn phường.

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ cá nhân nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý.

đ) Lệ phí trước bạ nhà, đất trên địa bàn phường.

e) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn phường do Chi cục Thuế quản lý.

f) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do phường thực hiện.

- g) Lệ phí do phường thực hiện thu (trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài).
- h) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do chính quyền phường quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.
- i) Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước của Phường.
- k) Thu từ bán tài sản nhà nước thuộc phường quản lý.
- l) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do phường quản lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.
- m) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.
- n) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho phường.
- o) Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho phường.
- ô) Thu kết dư ngân sách phường.
- p) Thu chuyển nguồn từ năm trước của ngân sách phường.
- q) Thu bổ sung từ ngân sách thành phố.
- s) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

3. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách phường, thị trấn với ngân sách huyện, thành phố: Thực hiện theo Khoản 3, Điều 5 của Quy định này.

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn

1. Chi đầu tư phát triển

- a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn vốn đầu tư theo phân cấp thuộc cấp xã quản lý theo các lĩnh vực chi quy định tại khoản 2 Điều này.
- b) Chi đầu tư phát triển trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình mục tiêu do ngân sách cấp xã thực hiện theo phân cấp quản lý vốn đầu tư.
- c) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và Luật đầu tư công cho từng dự án nhất định, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này.
- d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

- a) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (bao gồm những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố); hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ do cấp xã giao theo quy định của pháp luật; hỗ trợ hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng; hoạt động của đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã; hỗ trợ hoạt động cho các thôn, tổ dân phố; ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính do

cấp xã thực hiện; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở và các nhiệm vụ quản lý hành chính khác của cấp xã.

b) Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ không chuyên trách xã, thôn và đối tượng khác theo chế độ quy định của pháp luật.

c) Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật dân quân tự vệ; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

- Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

- Hoạt động của lực lượng dân quân thường trực sẵn sàng chiến đấu.

- Tổ chức diễn tập trật tự trị an, khu vực phòng thủ cấp xã.

- Đối với các xã, thị trấn biên giới: chi cho nhiệm vụ quản lý, bảo vệ cột mốc và an ninh biên giới.

d) Đảm bảo xã hội: Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định số 119/2005/NĐ-CP (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc 1 lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ ngày 01/01/1998 trở về sau do tổ chức bảo hiểm xã hội chi); chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi; chế độ đối với người có uy tín; thăm hỏi các gia đình chính sách; trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác do cấp xã thực hiện.

đ) Chi hoạt động văn hoá, thông tin, phát thanh, truyền thanh, thể dục, thể thao và hoạt động khác do cấp xã thực hiện.

e) Sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ sửa chữa nhỏ các trường học trên địa bàn xã, phường, thị trấn; hỗ trợ hoạt động thường xuyên các Trung tâm học tập cộng đồng; thực hiện phong trào học tập suốt đời và các hoạt động giáo dục, đào tạo khác do cấp xã thực hiện.

g) Sự nghiệp y tế: Hỗ trợ chi thường xuyên cho các trạm y tế; chi trả chế độ đối với nhân viên y tế thôn bản (trừ tổ dân phố); hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân; công tác phòng chống dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn xã, phường, thị trấn; khám sơ tuyển nghĩa vụ Quân sự, Công an và các hoạt động y tế khác do cấp xã thực hiện.

h) Sự nghiệp kinh tế:

- Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do cấp xã quản lý.

- Hoạt động kiến thiết thị chính giao cho cấp xã thực hiện theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản theo phân cấp quản lý tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chi cho các hoạt động phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản và duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi theo phân cấp, bảo vệ và phát triển rừng do xã quản lý và các hoạt động khác do cấp xã thực hiện.

- Thực hiện diễn tập ứng phó cháy rừng, tìm kiếm cứu nạn cấp xã.

- Các nhiệm vụ thuộc sự nghiệp kinh tế khác do cấp huyện giao cho cấp xã thực hiện theo phân cấp quản lý.

i) Chi hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm thu gom, xử lý rác thải do cấp xã thực hiện theo phân cấp quản lý.

k) Trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của cấp xã.

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Chi sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ giao cho cấp xã thực hiện.

5. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên.

6. Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật, bao gồm chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại tiết a, b, c, khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 9. Quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang: (theo phụ lục đính kèm).

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Quá trình thực hiện có vướng mắc, đề nghị các ngành, các cấp phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định./

Phụ lục

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu

giữa ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	NỘI DUNG KHOẢN THU	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN (%) dự kiến giai đoạn 2022-2025			
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
1	Thuế thu nhập cá nhân				
a	Cá nhân nộp thuế do Cục Thuế quản lý		100		
b	Cá nhân nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý				
	- Cá nhân kinh doanh do Chi cục Thuế quản lý có địa điểm kinh doanh trên địa bàn xã				100
	- Cá nhân kinh doanh do Chi cục Thuế quản lý có địa điểm kinh doanh trên địa bàn phường, thị trấn			50	50
	- Cá nhân còn lại			100	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
a	Thuế TNDN từ các đơn vị trung ương quản lý		100		
b	DNNN địa phương				
	- Do Cục Thuế quản lý (trừ doanh nghiệp do Cục thuế quản lý có chi nhánh tại các huyện, thành phố hạch toán độc lập)		100		
	- Do Chi cục Thuế quản lý; doanh nghiệp do Cục thuế quản lý có chi nhánh tại các huyện, thành phố hạch toán độc lập			100	
c	Tổ chức SXKD khác:				
	- Tổ chức do Cục Thuế quản lý		100		
	- Tổ chức do Chi cục Thuế quản lý			100	
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				100
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				100
5	Thu tiền sử dụng đất				
a	Trên địa bàn khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, cửa khẩu Xín Mần - huyện Xín Mần và cửa khẩu quốc gia khác		100		
b	Thu tiền sử dụng đất trên địa bàn còn lại				
	- Địa bàn thành phố Hà Giang				



STT	NỘI DUNG KHOẢN THU	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN (%) dự kiến giai đoạn 2022-2025			
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
	+ Thu tiền sử dụng đất từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với tài sản nhà nước trên đất trên địa bàn thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh		90	10	
	+ Tổ chức kinh tế được giao đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê; tổ chức kinh tế được giao đất để thực hiện dự án đầu tư hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng; tiền sử dụng đất của tổ chức được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (dự án đô thị)		90	10	
	+ Thu tiền sử dụng đất từ bán đấu giá quyền sử dụng đất và các khoản thu tiền sử dụng đất còn lại (gồm: giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, cá nhân có đất thuộc thành phố quản lý)			100	
	- Địa bàn các huyện				
	+ Thu tiền sử dụng đất từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với tài sản nhà nước trên đất trên địa bàn thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh		90	10	
	+ Thu tiền sử dụng đất từ bán đấu giá quyền sử dụng đất và các khoản thu tiền sử dụng đất còn lại			100	
6	Thuế tài nguyên				
a	Nước thủy điện; khoáng sản kim loại; khoáng sản quý hiếm; khoáng sản phi kim loại; thủy sản; nước thiên nhiên khác			100	
b	Sản phẩm rừng tự nhiên				100
c	Tài nguyên khoáng sản khác				
	- Thu từ các tổ chức SXKD			100	
	- Thu từ cá nhân SXKD				100
7	Thuế giá trị gia tăng (trừ Thuế GTGT từ hàng nhập khẩu và hoạt động XSKT)				
a	Doanh nghiệp Trung ương		100		
b	Tổ chức sản xuất kinh doanh thủy điện			100	
c	Từ các tổ chức SXKD khác				
	- Tổ chức do Cục Thuế quản lý		100		
	- Tổ chức do Chi cục Thuế quản lý			100	
d	Từ cá nhân SXKD				
	- Địa bàn xã, thị trấn				100
	- Địa bàn phường			60	40

STT	NỘI DUNG KHOẢN THU	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN (%) dự kiến giai đoạn 2022-2025			
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
8	Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu và hoạt động xổ số kiến thiết)				
a	Tổ chức, cá nhân nộp thuế do Cục Thuế quản lý		100		
b	Tổ chức, cá nhân nộp thuế do Chi cục Thuế quản lý				
	- Tổ chức			100	
	- Cá nhân				100
9	Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu): phần NSDP được hưởng theo tỷ lệ phân chia khoản thu giữa NSTW với NSDP theo thông báo của Bộ Tài chính		100		
10	Phí, lệ phí				
a	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện, thành phố			100	
b	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, khí thải, chất thải rắn		100		
c	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		40	60	
d	Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu		100		
đ	Lệ phí trước bạ:				
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất địa bàn xã, phường, thị trấn				100
	- Lệ phí trước bạ các loại tài sản khác			100	
e	Lệ phí môn bài:				
	- Tổ chức do Cục Thuế quản lý		100		
	- Tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế quản lý				
	+ Các tổ chức SXKD			100	
	+ Cá nhân SXKD				100
g	Các loại phí, lệ phí còn lại (phần nộp NSNN theo quy định)				
	- Do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thu, nộp		100		
	- Do cơ quan, đơn vị cấp huyện thu, nộp			100	
	- Do cơ quan, đơn vị cấp xã thu, nộp				100
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước				
a	Trung ương cấp phép	70	30		
b	Tỉnh cấp phép		100		



STT	NỘI DUNG KHOẢN THU	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN (%) dự kiến giai đoạn 2022-2025			
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán				
	- Thuế giá trị gia tăng			100	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
	+ Hoạt động xổ số trên địa bàn thành phố Hà Giang		50	50	
	+ Hoạt động xổ số trên địa bàn huyện			100	
13	Thu xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác				
a	Cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định		100		
b	Cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định			100	
c	Cơ quan nhà nước cấp xã quyết định				100
14	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước				
a	Thuộc cấp tỉnh quản lý		100		
b	Thuộc cấp huyện quản lý			100	
c	Thuộc cấp xã quản lý				100
15	Các khoản thu hồi vốn ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có góp vốn của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các Quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu.		100		
16	Thu tiền bán tài sản nhà nước				
a	Tài sản thuộc tỉnh quản lý		100		
b	Tài sản thuộc cấp huyện quản lý			100	
c	Tài sản thuộc cấp xã quản lý				100
17	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước (sau khi trừ các chi phí theo quy định của pháp luật)				
a	Cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý		100		
b	Cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện quản lý			100	
c	Cấp xã quản lý				100
18	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước				
a	Đối với tổ chức do Cục Thuế quản lý		100		
b	Đối với tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế quản lý			100	
19	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa		100		

STT	NỘI DUNG KHOẢN THU	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN (%) dự kiến giai đoạn 2022-2025			
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
20	Thu khác từ quỹ đất				
a	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				100
b	Thu tiền đền bù thiệt hại đất			100	
c	Khác			100	
21	Thu viện trợ không hoàn lại				
a	Trực tiếp cho tỉnh		100		
b	Trực tiếp cho cấp huyện			100	
c	Trực tiếp cho cấp xã				100
22	Huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân				
a	Huy động, đóng góp cho cấp tỉnh		100		
b	Huy động, đóng góp cho cấp huyện			100	
c	Huy động, đóng góp cho cấp xã				100
23	Thu từ Quỹ Dự trữ tài chính		100		
24	Thu kết dư ngân sách năm trước				
a	Cấp tỉnh		100		
b	Cấp huyện			100	
c	Cấp xã				100
25	Các khoản thu khác còn lại theo quy định của pháp luật				
a	Đơn vị cấp tỉnh thu, nộp NS cấp tỉnh		100		
b	Đơn vị cấp huyện thu, nộp NS cấp huyện			100	
c	Đơn vị cấp xã thu, nộp NS cấp xã				100
26	Thu tiền chậm nộp theo Luật quản lý thuế ngân sách địa phương được hưởng				
a	Đối với khoản tiền chậm nộp hạch toán riêng được từng nội dung khoản thu: thực hiện phân chia số thu tiền chậm nộp cho các cấp ngân sách theo tỷ lệ phần trăm phân chia nội dung khoản thu phát sinh tiền chậm nộp quy theo quy định nêu trên				
b	Đối với khoản thu tiền chậm nộp không hạch toán riêng được từng nội dung khoản thu:				
	- Thực hiện phân chia số thu tiền chậm nộp cho các cấp ngân sách theo cơ quan quản lý đối tượng nộp, cụ thể: Đối tượng nộp tiền chậm nộp do cấp nào quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp đó được hưởng 100% số thu.				

STT	NỘI DUNG KHOẢN THU	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN (%) dự kiến giai đoạn 2022-2025			
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã
	- Đối với khoản thu tiền chậm nộp của đơn vị thuộc trung ương quản lý theo quy định ngân sách địa phương được hưởng		100		
27	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
a	Cấp tỉnh		100		
b	Cấp huyện			100	
c	Cấp xã				100
28	Thu chuyển nguồn từ năm trước				
a	Chuyển nguồn của cấp tỉnh		100		
b	Chuyển nguồn của cấp huyện			100	
c	Chuyển nguồn của cấp xã				100